THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024 - 2025

Lớp: 10/1
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Vật lý *Physics*	Hóa học *Chemistry*	Sinh học *Biology*	Tin học *Computer Science*	Ngữ văn *Literature*	Lịch sử *History*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDQP & AN National *Defence and Security Education*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Vocational & Experiential Learning Activities	Nội dung giáo dục của địa phương Regional Program	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Đỗ Vũ Phương Anh	5.8	5.3	6.5	6.4	8.8	8.4	9.3	7.5	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
2	Trần Quỳnh Anh	7.8	7.3	8.1	7.9	9.1	7.9	9.1	7.4	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
3	Trương Quốc Nhật Anh	6.5	7.1	8.2	7.1	8.8	6.3	8.9	5.2	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
4	Vũ Ngọc Hà	8.6	8.4	9.7	9.1	9.5	8.8	9.4	9.4	10	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Phan Nguyễn Duy Khang	5.0	6.2	6.1	5.0	8.2	7.1	7.2	6.5	6.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
6	Thái Đặng Gia Khang	9.4	8.8	9.0	8.9	9.5	7.7	9.5	9.4	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
7	Cao Nhất Lâm	6.2	5.8	7.0	4.9	7.1	7.3	7.9	3.9	8.5	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
8	Vũ Ngọc Minh	6.6	7.1	7.6	7.5	8.8	7.9	9.4	7.8	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
9	Nguyễn Trần Thái Nam	5.4	6.0	7.1	7.2	9.1	7.3	8.0	8.3	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
10	Văn Nguyễn Viết Nam	6.5	6.7	6.8	5.7	8.3	7.2	8.6	6.6	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
11	Đỗ Bích Ngọc	6.8	7.6	7.3	5.3	8.2	7.7	7.9	4.8	8.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
12	Quan Yến Nhi	5.8	6.3	6.5	5.0	7.6	7.1	9.0	5.9	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
13	Lê Quang Trực	6.5	6.4	7.8	6.5	7.6	7.5	8.6	9.1	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/Checked by
Nguyễn Thị Hoàng Dung	Phan Thị Phương	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024 - 2025

Lớp: 10/2
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Vật lý *Physics*	Tin học *Computer Science*	Ngữ văn *Literature*	Lịch sử *History*	Địa lý *Geography*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDQP & AN National *Defence and Security Education*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Vocational & Experiential Learning Activities	Nội dung giáo dục của địa phương Regional Program	Giáo dục kinh tế và pháp luật *Economic and Legal Education*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Trần Thái Xuân An	6.5	7.5	9.5	8.2	9.6	9.8	7.7	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	9.3	**Tốt**	**Tốt**
2	Low Khiết Anh	6.9	7.9	9.3	8.0	9.1	9.0	5.7	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	8.9	**Khá**	**Tốt**
3	Võ Ngọc Lan Anh	4.9	5.2	9.2	6.6	7.1	8.9	4.5	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	9.1	**Đạt**	**Tốt**
4	Lê Bá Minh Đăng	6.7	6.3	9.2	7.7	8.5	9.2	8.4	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	8.7	**Khá**	**Tốt**
5	Nguyễn Văn Đoàn	4.6	5.8	7.3	6.6	7.9	7.8	3.6	8.2	Đạt	Đạt	Đạt	7.1	**Đạt**	**Tốt**
6	Nguyễn Lê Phúc Gia	8.6	6.1	10	8.1	9.0	9.3	6.7	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	8.7	**Khá**	**Tốt**
7	Nguyễn Đăng Huy	5.2	4.9	8.5	7.4	8.6	8.0	4.3	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	8.0	**Đạt**	**Tốt**
8	Phạm Nguyên Khôi	8.1	7.2	9.8	8.3	9.0	9.6	7.7	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	9.3	**Tốt**	**Tốt**
9	Trần Phước Ngọc Minh	6.7	7.4	8.4	8.2	9.3	9.6	6.7	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	8.9	**Tốt**	**Tốt**
10	Trần Bảo Ngọc	6.1	6.7	9.4	7.7	9.2	9.9	6.4	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	8.6	**Khá**	**Tốt**
11	Trần Trung Nguyên	8.4	8.7	9.8	8.3	9.4	9.9	8.2	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	9.0	**Tốt**	**Tốt**
12	Phan Minh Nhiên	8.5	7.2	10	8.0	9.3	9.9	7.4	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	9.5	**Tốt**	**Tốt**
13	Trần Phạm Vinh Phúc	6.8	6.6	8.6	6.8	8.1	8.6	8.2	6.5	Đạt	Đạt	Đạt	7.5	**Khá**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*

Tương Lại Thuỳ Trang

GĐCTVN/*VP. Manager*

Phan Thị Phương

Kiểm tra/Checked by

Văn Thị Thiên Hà